

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU PHÚ  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2020/DS-ST

Ngày: 03-8-2020

“V/v Tranh chấp chia thừa kế tài sản – Thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại – Công nhận quyền sở hữu tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương

- *Hội thẩm nhân dân:* Ông Huỳnh Văn Hùng

Bà Trương Thị Thu Thủy

- ***Thư ký phiên tòa :*** Ông Nguyễn Quốc Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa:***  
Bà Nguyễn Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 207/2019/TLST-DS, ngày 04 tháng 12 năm 2019 về việc Tranh chấp chia thừa kế tài sản – Thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại – Công nhận quyền sở hữu tài sản

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2020/QĐST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 129/2020/QĐST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Anh Huỳnh Văn K, sinh năm 1992; có mặt

2. Bà Trần Thị Cẩm L, sinh năm 1972; có mặt

3. Anh Huỳnh Ngọc A, sinh năm 1994; vắng mặt

Cùng nơi cư trú: tổ 4, ấp VH, xã VTT, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: anh Huỳnh Văn K theo giấy uỷ quyền ngày 09/10/2019 tại Văn phòng Công chứng Lục Văn Tiến. có mặt

- *Bị đơn:*

1. Bà Huỳnh Thị Ngọc Y, sinh năm 1962; có mặt

Địa chỉ thường trú: tổ 4, ấp VH, xã VTT, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Địa chỉ liên lạc: ấp Hòa Khánh, xã Vĩnh Thới, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

2. Ông Huỳnh Ngọc T, sinh năm 1965; có mặt

3. Ông Huỳnh Ngọc Th, sinh năm 1971; có mặt

Cùng nơi cư trú: tổ 4, ấp VH, xã VTT, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Luật sư Bùi Trần Phú T – Văn phòng luật sư Phú Thư thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang, địa chỉ: số 7, đường Hồ Hảo Hớn, khóm Đông Thịnh 8, phường MP, Tp.LX, tỉnh An Giang. có mặt

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Huỳnh Ngọc C, sinh năm 1969, nơi cư trú: tổ 6, ấp VH, xã VTT, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Có mặt

2. Bà Trần Ngọc B, sinh năm 1966, nơi cư trú: ấp VH, xã VTT, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Bảnh:* ông Huỳnh Ngọc T theo giấy ủy quyền ngày 12/6/2020 tại UBND xã Vĩnh Thạnh Trung. có mặt

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 10 năm 2019 và lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Huỳnh Văn K trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:*

Cụ Huỳnh Văn Đ (chết năm 2015) và cụ Lê Thị H (chết năm 2019) có 05 người con: Huỳnh Ngọc Y, Huỳnh Ngọc T, Huỳnh Ngọc C, Huỳnh Ngọc Th, Huỳnh Ngọc E (chết năm 2016, có vợ là Trần Thị Cẩm L và con: Huỳnh Văn K, Huỳnh Ngọc A).

Cụ Đ và cụ H chết không để lại di chúc và có để lại 01 căn nhà ngang 5m x dài 19m gắn liền với quyền sử dụng đất 193,4 m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 110, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại ấp VH, xã VTT, huyện Châu Phú. Được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.02006gF ngày 10/7/2009 do UBND huyện Châu Phú cấp cho cụ Đ, cụ H.

Trước đây nhà và đất do gia đình ông Ngọc E quản lý sử dụng nhưng hiện bà Y, ông T, ông Th đang khóa cửa và không cho bà L, anh K, anh A vào ở.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế tài sản là 01 căn nhà ngang 5m x dài 19m gắn liền với quyền sử dụng đất 193,4 m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 110, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại ấp VH, xã VTT, huyện Châu Phú. Được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.02006gF ngày 10/7/2009 do UBND huyện Châu Phú cấp cho cụ Đ, cụ H làm 05 phần bằng nhau, gồm bà Y, ông T, ông Th, ông C và ông Ngọc E, do ông Ngọc E đã chết nên bà L, anh K, anh A xin được nhận phần thừa kế của ông Ngọc E. Xin được nhận hiện vật, cụ thể là xin được quyền quản lý sử dụng đối với nhà và đất, đồng ý hoàn giá trị cho các hàng thừa kế còn lại.

Về giá đất thì nguyên đơn đồng ý với giá định của Hội đồng định giá là 180.000đ(một trăm tám mươi ngàn đồng)/m<sup>2</sup>, về giá trị nhà thì nguyên đơn xác định giá là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

Nguyên đơn xác định chỉ tranh chấp yêu cầu chia thừa kế đối với nhà và đất, các vật dụng sinh hoạt, nội thất trong nhà thì không có yêu cầu giải quyết.

Đối với yêu cầu phản tố của ông T về cái kho phía sau nhà theo bản đồ hiện trạng có vị trí từ điểm 9, 10, 11, 12 có diện tích 8,6m<sup>2</sup> thì nguyên đơn không đồng ý, xác định cái kho đó gắn liền với căn nhà và do cụ Đ và ông Em xây dựng không có phần đóng góp của phía ông T cũng không nghe cụ Đ nói gì về việc cho ông T cất nhà kho, trong thời gian cụ Đ còn sống thì có cho ông T chứa lúa trong kho. Việc tháo dỡ kiến trúc cái kho không làm ảnh hưởng đến kiến trúc hay việc sử dụng các phần còn lại của căn nhà.

Đối với yêu cầu phản tố của bà Y thì nguyên đơn không đồng ý do cụ Đ, cụ H không có mượn 01 công đất của bà Y và cũng không có thiếu nợ ai do đó không đồng ý với yêu cầu phản tố của bà Y.

Bà Trần Thị Cẩm L xác định bà và ông Em không có đăng ký kết hôn có tổ chức lễ cưới, ông bà chung sống với nhau khoản năm 1990.

Hiện bà L, anh K, anh A không có nhà để ở do từ nào giờ sống cùng nhà với cụ Đ, cụ H. Hiện do đang tranh chấp không vào nhà ở được nên bà L, anh A sống trọ và đi làm ở Bình Dương, anh K thì sống nhờ nhà ông C.

Ông T, ông Th, bà Y hiện đã có nhà sống ổn định; ông T nhà ở ấp VH, xã VTT, huyện Châu Phú; ông Th sống cùng ấp VH, xã VTT, huyện Châu Phú; bà Y nhà ở huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

*- Bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc Y, ông Huỳnh Ngọc T, ông Huỳnh Ngọc Th trình bày trong quá trình giải quyết vụ án:*

Các ông bà cũng thừa nhận là khi cụ Đ và cụ H chết không để lại di chúc và có để lại 01 căn nhà ngang 5m x dài 19m gắn liền với quyền sử dụng đất 193,4 m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 110, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại ấp VH, xã VTT, huyện Châu Phú. Được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.02006gF ngày 10/7/2009 do UBND huyện Châu Phú cấp cho cụ Đ, cụ H.

Cụ Huỳnh Văn Đ (chết năm 2015) và cụ Lê Thị H (chết năm 2019) có 05 người con: Huỳnh Ngọc Y, Huỳnh Ngọc T, Huỳnh Ngọc C, Huỳnh Ngọc Thành, Huỳnh Ngọc E (chết năm 2016, có vợ là Trần Thị Cẩm Lệ và con: Huỳnh Văn Khánh, Huỳnh Ngọc An)

Nay nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế đối với nhà và đất thì các ông bà cũng đồng ý, tuy nhiên các ông bà yêu cầu được nhận hiện vật, cụ thể là giao quyền quản lý sử dụng nhà và đất cho ông Huỳnh Ngọc T, các ông bà đồng ý hoàn giá trị cho các hàng thừa kế còn lại. Các ông bà đưa ra giá nhà và đất là 120.000.000đ, theo đó các ông bà đồng ý với giá đất thì theo giá định của Hội đồng định giá là 180.000đ/m<sup>2</sup>, riêng nhà thì các ông bà cho rằng nhà có giá 85.000.000đ.

Các ông bà xác định chỉ tranh chấp yêu cầu chia thừa kế đối với nhà và đất, các vật dụng sinh hoạt, nội thất trong nhà thì không có yêu cầu giải quyết.

Trước đây, bà L và anh K, anh A có sống cùng nhà với cụ Đ, cụ H, ông Em nhưng cách đây 13 năm thì không còn sống chung. Về việc bà L, anh K, anh A có nhà ở ổn định hay sinh sống ở đâu thì các ông bà không rõ. Việc bà L và ông Em kết hôn thì có tổ chức đám cưới nhưng không nhớ rõ năm.

Nhà và đất của ông T, ông Th là do hai ông tự tạo lập mà có, không phải do cụ Đ, cụ H tặng cho như ông C trình bày. Hiện ông T thì đã có nhà riêng, riêng ông Th, bà Y không có nhà riêng hiện ông Th thì sống cùng gia đình vợ, bà Y thì sống cùng gia đình chồng.

Ông T trình bày: đối với cái kho theo bản đồ hiện trạng có vị trí từ điểm 9, 10, 11, 12 có diện tích 8,6m<sup>2</sup> là do vợ chồng ông bỏ tiền ra cất, thời gian cất không nhớ, khi đó cụ Đ và cụ H đều còn sống và đồng ý cho vợ chồng ông cất kho để chứa lúa, số tiền bỏ ra để cất kho bao nhiêu không nhớ. Việc cụ Đ, cụ H đồng ý cho ông cất kho liên kề nhà không có làm giấy tờ chỉ nói miệng, cụ Đ, cụ H chỉ cho để cất kho chứa lúa không phải là cho diện tích đất cất kho. Do đó nếu ông không được quyền quản lý sử dụng nhà và đất thì ông sẽ tháo dỡ cái kho trả lại đất trống. Ông T yêu cầu phản tố : đối với vật kiến trúc cái kho theo bản đồ hiện trạng có vị trí từ điểm 9, 10, 11, 12 có diện tích 8,6m<sup>2</sup> ông yêu cầu công nhận là tài sản của vợ chồng ông, ông chỉ tranh chấp đối với kiến trúc trên đất không tranh chấp diện tích đất gắn liền với kho.

Ông Th và bà Y thống nhất ý kiến đối với ý kiến của ông T về cái kho.

Bà Y trình bày: Khi còn sống, cụ Đ và cụ H có mượn của bà 01 công đất để bán trả nợ, đến nay vẫn chưa trả, nay hai cụ đã chết nên bà yêu cầu trước khi chia thừa kế di sản của cụ Đ và cụ H, trong phạm vi di sản cụ Đ, cụ H thì các thừa kế của cụ Đ, cụ H thực hiện nghĩa vụ của người để lại di sản, cụ thể là trả cho bà 01 công đất ruộng, trả hiện vật hay giá trị bà đều đồng ý, giá trị là 60.000.000đồng.

Ông T và ông Th thống nhất ý kiến đối với yêu cầu phản tố của bà Y về thực hiện nghĩa vụ của cụ Đ, cụ H.

*- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông C trình bày trong quá trình giải quyết vụ án:*

Ông không đồng ý chia thừa kế của nguyên đơn đối với nhà và đất do cụ Đ, cụ H để lại. Ông xác định nguồn gốc nhà đất tranh chấp là của cụ Đ, cụ H để lại. Nay ông không đồng ý chia thừa kế, ông đề nghị giữ nguyên để thờ cúng ông bà và ông đồng ý giao nhà đất cho vợ con của ông Em tức là bà L, anh K, anh A được quản lý sử dụng. Giấy tờ quyền sử dụng đất vẫn để tên của cụ Đ, cụ H không thay đổi.

Do khi cha mẹ còn sống đã phân chia tài sản cho tất cả người con đều có đất ruộng và nhà ở ổn định. Riêng ông Em là sống chung cùng cụ Đ, cụ H không có nhà riêng.

Ông không đồng ý với yêu cầu phản tố của bà Y, do cụ Đ và cụ H không có thiếu nợ nên không cần mượn đất của bà Y để bán trả nợ.

Về cái kho theo bản đồ hiện trạng có vị trí từ điểm 9, 10, 11, 12 có diện tích 8,6m<sup>2</sup> thì do cụ Đ cất và dùng để chứa lúa, do gia đình ông T không có chỗ chứa lúa nên cụ Đ cho chứa lúa nhờ, không phải do ông T bỏ tiền ra cất nên không đồng ý với ý kiến tháo dỡ của ông T.

Do ông không đồng ý chia thừa kế do đó ông không có ý kiến đối với giá trị

nhà đất do các bên đưa ra.

**- Tại phiên tòa:**

*Nguyên đơn anh K trình bày:* giữ nguyên yêu cầu chia thừa kế và yêu cầu được nhận hiện vật, hoàn giá trị cho các thừa kế còn lại. Chỉ yêu cầu giải quyết trong phạm vi diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp. Giá trị hoàn thì giá đất theo giá của Hội đồng định giá, giá trị nhà là 50.000.000 đồng. Không tranh chấp đối với vật dụng sinh hoạt trong nhà. Nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu phản tố của ông T và bà Y. Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm: giải quyết theo quy định pháp luật.

*Bị đơn trình bày:* đồng ý chia thừa kế tài sản như nguyên đơn yêu cầu khởi kiện, tuy nhiên các ông bà yêu cầu được cho bà Y nhận hiện vật và bà Y sẽ hoàn giá trị cho các thừa kế còn lại. Giá trị hoàn thì giá đất theo giá của Hội đồng định giá, giá nhà là 85.000.000 đồng. Thống nhất chỉ yêu cầu giải quyết trong phạm vi diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không tranh chấp đối với vật dụng sinh hoạt trong nhà. Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm: giải quyết theo quy định pháp luật. Thống nhất với yêu cầu phản tố của ông T, bà Y.

*Ông T trình bày:* ông vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố về công nhận quyền sở hữu cho vợ chồng ông bà đối với vật kiến trúc của nhà kho.

*Bà Y trình bày:* bà xác định bà chỉ có 01 công đất được nhà nước giao cho, theo bà thì có quyết định giao và bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 01 công đất đó. Tuy nhiên bà không nhớ số quyết định hay thời gian được giao được cấp giấy và không cung cấp được quyết định cũng như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà cũng không yêu cầu tạm ngừng phiên tòa để cung cấp. Bà và cụ Đ có đổi diện tích đất với nhau, sau đó bà cố cho ông Th và ông Th cố lại cho cụ Đ với giá 01 lượng vàng, sau này thì ông Em có gặp bà mượn lại số tiền mà cụ Đ cố đất và bà đã giao số tiền 15.000.000 đồng cho ông Em, ông C. Từ khi cụ Đ nhận cố đất thì cụ Đ, ông Em quản lý canh tác đến sau này thì cụ Đ mượn và bán diện tích đất này của bà. Do đó nay bà vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố trong phạm vi di sản cụ Đ, cụ H thì các thừa kế của cụ Đ, cụ H thực hiện nghĩa vụ của người để lại di sản, cụ thể là trả cho bà số tiền 60.000.000 đồng giá trị của 01 công đất.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông C trình bày:* đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuy ông không đồng ý chia thừa kế tuy nhiên nếu Tòa án chia thừa kế thì ông cũng đồng ý nhận giá trị và đồng ý giao hiện vật cho bà L, anh K, anh A quyền sử dụng. Ông không đồng ý với yêu cầu phản tố của ông T, bà Y. Thống nhất chỉ yêu cầu giải quyết trong phạm vi diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không tranh chấp đối với vật dụng sinh hoạt trong nhà. Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm: giải quyết theo quy định pháp luật.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn – Luật sư Bùi Trần Phú Thư trình bày:*

Các đương sự đều thống nhất tài sản tranh chấp là tài sản do cụ Huỳnh Văn Đ, cụ Lê Thị H để lại, không có di chúc và chưa tiến hành thỏa thuận phân chia

thừa kế. Hàng thừa kế gồm có: ông Huỳnh Ngọc T, bà Huỳnh Thị Ngọc Y, ông Huỳnh Ngọc Th, ông Huỳnh Ngọc C, ông Huỳnh Ngọc E (do anh Huỳnh Văn K, anh Huỳnh Ngọc A thừa kế thế vị). Ông Em và bà L không có đăng ký kết hôn và chung sống với nhau từ năm 1990, theo luật hôn nhân gia đình 2014 thì ông Em và bà L không được công nhận là vợ chồng. Do đó đề nghị đối với tài sản do cụ Đ, cụ H để lại chia làm 05 phần bằng nhau cho ông Huỳnh Ngọc T, bà Huỳnh Thị Ngọc Y, ông Huỳnh Ngọc Th, ông Huỳnh Ngọc C, ông Huỳnh Ngọc E (do anh Huỳnh Văn K, anh Huỳnh Ngọc A thừa kế thế vị).

Đối với yêu cầu phản tố của bà Y được sự thừa nhận và đồng ý của ông T và ông Th, cùng là thừa kế của cụ Đ, cụ H và không có cùng lợi ích đối với yêu cầu phản tố của bà Y. Theo các ông bà xác định thì bà Y có cho cụ Đ, cụ H mượn 01 công đất cho đến nay vẫn chưa được nhận lại, do đó đề nghị chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Y, trong phạm vi tài sản của cụ Đ, cụ H để lại các thừa kế có nghĩa vụ trả cho bà Y số tiền 60.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu phản tố của ông T được sự thừa nhận và đồng ý của ông Th và bà Y cũng như các ông bà đều xác định trong thời gian qua ông T có chứa lúa tại nhà kho đang tranh chấp, cho thấy ông T có sử dụng quản lý nhà kho là thực tế. Do đó đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu phản tố của ông T.

Về việc chia thừa kế thì đề nghị chấp nhận ý kiến của bị đơn là giao nhà đất cho bà Y được quyền sử dụng do hiện bà Y vẫn còn hộ khẩu tại nhà đất này và có khả năng hoàn giá trị cho các thừa kế còn lại cũng như có điều kiện đi tới lui để nhang khói thờ cúng.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận yêu cầu chia thừa kế tài sản của nguyên đơn Huỳnh Văn Khánh, Huỳnh Ngọc An. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Cẩm L. Giao cho anh K, anh A được nhận hiện vật, anh K và anh A có nghĩa vụ hoàn giá trị cho các thừa kế còn lại với giá trị đất là giá định của Hội đồng định giá là 180.000đ/m<sup>2</sup>, giá trị nhà lấy mức trung bình giữa giá trị do nguyên đơn và bị đơn đưa ra. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông T, bà Y. Chi phí tố tụng khác và án phí dân sự sơ thẩm giải quyết theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện về tranh chấp chia thừa kế tài sản đối với ông T, bà Y, ông Th cư trú tại huyện Châu Phú và tài sản yêu cầu chia thừa kế là bất động sản tọa lạc huyện Châu Phú nên Tòa án nhân dân

huyện Châu Phú thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo qui định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thủ tục ủy quyền: Bà Trần Thị Cẩm L và anh Huỳnh Ngọc A ủy quyền cho anh Huỳnh Văn K theo giấy ủy quyền ngày 09/10/2019 được chứng thực tại Văn phòng Công chứng Lục Văn Tiến. Bà Trần Ngọc B ủy quyền cho ông Huỳnh Ngọc T theo giấy ủy quyền ngày 12/6/2020 được chứng thực tại UBND xã Vĩnh Thạnh Trung. Việc ủy quyền phù hợp với quy định pháp luật do đó được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.3] Về người tham gia tố tụng: Theo bản đồ hiện trạng khu đất ngày 27/02/2020 thể hiện căn nhà có phần nằm ngoài diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên các đương sự thống nhất chỉ yêu cầu giải quyết trong phạm vi diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bà Huỳnh Thị Kim Hận là người có quyền sử dụng đất của thửa số 117 có ý kiến thống nhất với hiện trạng nhà đất và không có tranh chấp hay yêu cầu gì về ranh đất. Do đó không đưa bà Huỳnh Thị Kim Hận vào tham gia tố tụng trong vụ án.

[2] *Về nội dung giải quyết vụ án:*

[2.1] Về nguồn gốc của tài sản nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế tài sản là 01 căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất 193,4 m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 110, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại ấp VH, xã VTT, huyện Châu Phú, đã được UBND huyện Châu Phú cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.02006gF ngày 10/7/2009 cho cụ Đ, cụ H. Các đương sự đều thống nhất đây là tài sản do cụ Đ cụ H để lại, cụ Đ và cụ H chết không để lại di chúc, các thừa kế chưa có phân chia thừa kế đối với tài sản này. Căn cứ vào Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh. Nay anh K, anh A và bà L khởi kiện yêu cầu chia thừa kế tuy nhiên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc phân chia, do đó Hội đồng xét xử xem xét giải quyết về chia thừa kế theo pháp luật.

[2.2] Cụ Huỳnh Văn Đ chết ngày 04/4/2015 do đó áp dụng Bộ luật dân sự 2005 làm pháp luật giải quyết về việc chia thừa kế của tài sản cụ Đ để lại. Theo đó hàng thừa kế thứ nhất của cụ Đ gồm: cụ Lê Thị H và các con: Huỳnh Ngọc Y, Huỳnh Ngọc T, Huỳnh Ngọc C, Huỳnh Ngọc Thành, Huỳnh Ngọc E. Di sản của cụ Đ được xác định  $\frac{1}{2}$  đối với tài sản đang tranh chấp, chia làm 06 phần bằng nhau cho hàng thừa kế thứ nhất: Cụ Lê Thị H, Huỳnh Ngọc Y, Huỳnh Ngọc T, Huỳnh Ngọc C, Huỳnh Ngọc Th, Huỳnh Ngọc E ( $\frac{1}{2} \times \frac{1}{6} = \frac{1}{12}$ ).

[2.3] Cụ Lê Thị H chết ngày 02/6/2019, do đó sẽ áp dụng Bộ luật dân sự 2015 làm pháp luật giải quyết việc chia thừa kế của tài sản cụ H để lại. Theo đó hàng thừa kế thứ nhất của cụ H gồm có các con Huỳnh Ngọc Y, Huỳnh Ngọc T, Huỳnh Ngọc C, Huỳnh Ngọc Thành, do Huỳnh Ngọc E chết năm 2016 nên các con của ông Em là Huỳnh Văn Khánh, Huỳnh Ngọc An thừa kế thế vị. Di sản của cụ H để lại được xác định là  $\frac{1}{2}$  đối với tài sản đang tranh chấp và phần được thừa kế từ cụ Đ ( $\frac{1}{2} + \frac{1}{12} = \frac{7}{12}$ ), chia làm 05 phần bằng nhau: Huỳnh Ngọc Y, Huỳnh Ngọc T, Huỳnh Ngọc C, Huỳnh Ngọc Th, Huỳnh Văn K và Huỳnh Ngọc A ( $\frac{7}{12} : 5 = \frac{7}{60}$ ).

[2.4] Như vậy, sau khi chia thừa kế tài sản theo quy định pháp luật thì các ông bà Huỳnh Ngọc Y, Huỳnh Ngọc T, Huỳnh Ngọc C, Huỳnh Ngọc Th mỗi người được hưởng:  $1/12 + 7/60 = 1/5$ .

[2.5] Đối với phần thừa kế của ông Huỳnh Ngọc E được hưởng từ cụ Đ, do nay ông Em đã chết và có vợ là Trần Thị Cẩm Lệ và các con là Huỳnh Văn K, Huỳnh Ngọc A nhưng giữa ông Em và bà L chung sống từ năm 1990 không có đăng ký kết hôn, do đó căn cứ theo Điều 9 Luật hôn nhân gia đình 2014 thì hôn nhân giữa ông Em và bà L không được công nhận là vợ chồng. Vì vậy theo quy định pháp luật bà L không phải là hàng thừa kế của ông Em như vậy đối với việc bà yêu cầu được cùng anh K và anh A nhận phần ông Em được hưởng là  $1/5$  trong khối di sản cụ Đ, cụ H để lại là không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L.

[2.6] Như vậy vào thời điểm ông Em chết thì hàng thừa kế của ông Em là Huỳnh Văn Khánh và Huỳnh Ngọc An và cụ Lê Thị H, tuy nhiên nay cụ H đã chết và không có ai yêu cầu chia thừa kế đối với tài sản của ông Em do đó phần thừa kế ông Em được hưởng từ cụ Đ sẽ do anh K, anh A được quyền quản lý. Như vậy, vừa phần hưởng từ thừa kế thế vị và phần hưởng đối với thừa kế của cụ Đ, anh Huỳnh Văn K và anh Huỳnh Ngọc A cùng được hưởng:  $1/12 + 7/60 = 1/5$ .

[2.7] Về giá trị tài sản chia thừa kế: Đối với giá trị đất, các đương sự thống nhất giá định do Hội đồng định giá theo biên bản định giá ngày 12/02/2020, cụ thể là  $180.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 193,4 \text{ m}^2 = 34.812.000\text{đồng}$ . Đối với giá trị nhà, do căn nhà xây dựng đã lâu và hết niên hạn sử dụng nên không đủ điều kiện để áp dụng quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 03/5/2018 của UBND tỉnh An Giang vì vậy Hội đồng định giá không tiến hành định giá. Phía nguyên đơn đưa ra giá trị nhà là 50.000.000đồng, bị đơn đưa ra giá trị nhà là 85.000.000đồng. Do các đương sự không thỏa thuận được giá trị nhà và hội đồng không định giá được nay Hội đồng xét xử lấy trung bình giá trị do các bên đưa ra để giải quyết:  $(50.000.000\text{đ} + 85.000.000\text{đ}) : 2 = 67.500.000 \text{ đồng}$ . Như vậy, tổng giá trị nhà đất là  $34.812.000\text{đ} + 67.500.000\text{đ} = 102.312.000 \text{ đồng}$  (một trăm lẻ hai triệu, ba trăm mười hai ngàn đồng).

[2.8] Căn nhà gắn liền với diện tích đất  $193,4\text{m}^2$  không thể chia hiện vật cho tất cả hàng thừa kế do căn nhà đã cất hết diện tích đất và quy định hạn mức về diện tích cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đồng thời đây là nhà do cụ Đ, cụ H để lại và đang dùng cho việc thờ cụ Đ, cụ H và ông Em nên thiết nghĩ nên giao cho một thừa kế quyền sử dụng và hoàn giá trị cho các hàng thừa kế còn lại là phù hợp. Căn nhà này trước đây là do ông Em, bà L và anh K, anh A sinh sống cùng với cụ Đ, cụ H sau này do bà L và anh K, anh A đi làm xa nên phía ông T, ông Yên, ông Th khóa cửa và không có ai đang sinh sống tại nhà và đất tranh chấp. Hiện nay, nguyên đơn và bị đơn đều có yêu cầu được nhận hiện vật, hoàn giá trị cho các hàng thừa kế còn lại. Hội đồng xét xử xem xét về nhu cầu nơi ở, nơi sinh sống ổn định thì hiện ông T, ông Th, bà Y và ông C đều đang có nơi ở ổn định, riêng bà L, anh K và anh A vẫn chưa có nơi ở ổn định, hiện đang ở nhờ và ở trọ. Phía bà L cũng xác định nếu giao quyền sử dụng nhà đất cho bà thì bà cũng chỉ tới lui nhang khói, thờ cúng chứ không sinh sống ổn định tại nhà đất trên. Do đó, Hội đồng xét xử nhận

thấy giao nhà và đất cho anh K và anh A được quyền sử dụng là phù hợp. Anh K và anh A có nghĩa vụ hoàn giá trị cho ông T, ông Th, ông C, bà Y mỗi người là:  $\frac{1}{5} \times 102.312.000 \text{ đồng} = 20.462.400 \text{ đồng/người}$ .

[2.9] Đối với yêu cầu phản tố của bà Y về việc thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại, cụ thể bà yêu cầu các thừa kế trong phạm vi di sản của cụ Đ, cụ H hoàn trả cho bà 01 công đất mà cụ Đ, cụ H đã mượn trị giá 60.000.000 đồng. Ngoài lời trình bày, bà Y có cung cấp bản photo 01 thông báo nộp thuế và tờ sang nhượng đất vĩnh viễn ngày 17/10/2006. Đối với thông báo nộp thuế có nội dung tên người nộp thuế là bà Huỳnh Thị Ngọc Y với diện tích  $1.026\text{m}^2$ , tuy nhiên qua thông báo thì không xác định được vị trí đất hay xác định được việc bà Y đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích đất  $1.026\text{m}^2$ . Về tờ sang nhượng đất thì có nội dung giữa bên bán là cụ Đ, cụ H và bên mua là ông Huỳnh Anh Tuấn, bà Nguyễn Thị Mạnh và diện tích, giá chuyển nhượng, không có đề cập gì đến việc diện tích mua bán là của bà Y hay có liên quan gì đến quyền lợi của bà Y. Như vậy ngoài lời trình bày thì chứng cứ bà Y cung cấp không chứng minh được việc cụ Đ, cụ H có mượn đất của bà để bán và hiện chưa trả cho bà. Đồng thời lời trình bày của bà không được các thừa kế còn lại như anh K, anh A và ông C thừa nhận do đó không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Y.

[2.10] Đối với yêu cầu phản tố của ông T về việc yêu cầu công nhận cái kho theo bản đồ hiện trạng có vị trí từ điểm 9, 10, 11, 12 có diện tích  $8,6\text{m}^2$  là tài sản riêng của vợ chồng ông bà, tuy nhiên ngoài lời trình bày ông T không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc cụ Đ, cụ H đồng ý cho ông bà cất nhà kho cũng như thể hiện việc nhà kho là do ông bà bỏ tiền cất. Đồng thời lời trình bày của ông bà cũng không được các thừa kế khác như ông C, anh K, anh A thừa nhận. Do đó không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông T.

[2.11] Về chi phí tố tụng khác: Các ông bà: Huỳnh Ngọc T, Huỳnh Thị Ngọc Y, Huỳnh Ngọc Th, Huỳnh Ngọc C, anh Huỳnh Văn K, anh Huỳnh Ngọc A phải cùng chịu chi phí đo đạc là 473.000 đồng và chi phí thẩm định tại chỗ, định giá là 1.400.000 đồng. Anh Huỳnh Văn K đã tạm ứng chi phí tố tụng khác nên các ông bà Huỳnh Ngọc T, Huỳnh Thị Ngọc Y, Huỳnh Ngọc Thành, Huỳnh Ngọc C mỗi người có nghĩa vụ trả lại cho anh K số tiền: 374.600 đồng (ba trăm bảy mươi bốn ngàn, sáu trăm đồng).

[2.12] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Các ông bà: Huỳnh Ngọc T, Huỳnh Thị Ngọc Y, Huỳnh Ngọc Thành, Huỳnh Ngọc C, anh Huỳnh Văn K và anh Huỳnh Ngọc A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần thừa kế được hưởng.

Bà Trần Thị Cẩm L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận, cụ thể là chịu án phí trên  $\frac{1}{3}$  của một suất thừa kế, là  $\frac{1}{3} \times 20.462.400 \text{ đồng} = 6.820.800 \text{ đồng}$  (sáu triệu, tám trăm hai mươi ngàn, tám trăm đồng)

Ông Huỳnh Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận.

Bà Huỳnh Thị Ngọc Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 266, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 633; 635; 674; 676; 685 Bộ luật dân sự 2005;

- Căn cứ Điều 611; 613; 649; 651; 652; 660 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 9 Luật hôn nhân gia đình 2014;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Huỳnh Văn K, anh Huỳnh Ngọc A.

Giao cho anh Huỳnh Văn K, anh Huỳnh Ngọc A cùng được quyền sử dụng, quyền sở hữu đối với căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất 193,4 m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 110, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại ấp VH, xã VTT, huyện Châu Phú, theo cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.02006gF ngày 10/7/2009 do UBND huyện Châu Phú cấp cho cụ Đ, cụ H, được thể hiện theo bản đồ hiện trạng khu đất ngày 27/02/2020 của Văn phòng Đăng ký Đất đai chi nhánh Châu Phú.

Anh Huỳnh Văn K, anh Huỳnh Ngọc A cùng có nghĩa vụ hoàn lại cho các ông bà Huỳnh Ngọc T, ông Huỳnh Ngọc Th, ông Huỳnh Ngọc C, bà Huỳnh Thị Ngọc Y số tiền 20.462.400 đồng (hai mươi triệu, bốn trăm sáu mươi hai ngàn, bốn trăm đồng)/người.

Sau khi anh Huỳnh Văn K và anh Huỳnh Ngọc A thực hiện xong nghĩa vụ hoàn giá trị cho các thừa kế thì căn cứ vào quyết định của bản án có hiệu lực anh Huỳnh Văn K, anh Huỳnh Ngọc A có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng quyền sở hữu theo luật đất đai và nhà ở đối với căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất 193,4 m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 110, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại ấp VH, xã VTT, huyện Châu Phú, theo cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.02006gF ngày 10/7/2009 do UBND huyện Châu Phú cấp cho cụ Đ, cụ H, được thể hiện theo bản đồ hiện trạng khu đất ngày 27/02/2020 của Văn phòng Đăng ký Đất đai chi nhánh Châu Phú.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Cẩm L đối với yêu cầu chia thừa kế tài sản.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Huỳnh Thị Ngọc Y về việc yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Huỳnh Ngọc T về việc yêu cầu công nhận quyền sở hữu tài sản cho ông và bà Trần Ngọc B.

Chi phí tổ tụng khác: các ông bà Huỳnh Ngọc T, Huỳnh Thị Ngọc Y, Huỳnh Ngọc Thành, Huỳnh Ngọc C mỗi người có nghĩa vụ trả lại cho anh K số tiền: 374.600 đồng (ba trăm bảy mươi bốn ngàn, sáu trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Huỳnh Ngọc T phải chịu 1.323.000 đồng (một triệu, ba trăm hai mươi ba ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006533 ngày 29/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú. Ông T còn phải nộp thêm 1.023.000 đồng (một triệu không trăm hai mươi ba ngàn đồng).

Bà Huỳnh Thị Ngọc Y phải chịu 4.023.000 đồng (bốn triệu, không trăm hai mươi ba ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006121 ngày 08/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú. Bà Y phải nộp thêm 2.523.000 đồng (hai triệu, năm trăm hai mươi ba ngàn đồng).

Anh Huỳnh Văn K, anh Huỳnh Ngọc A cùng phải chịu 1.023.000 đồng (một triệu, không trăm hai mươi ba ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005970 ngày 04/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú. Anh Huỳnh Văn K và anh Huỳnh Ngọc A phải nộp thêm 273.000 đồng (hai trăm bảy mươi ba ngàn đồng).

Bà Trần Thị Cẩm L phải chịu 341.000 đồng (ba trăm bốn mươi một ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Huỳnh Ngọc Th, ông Huỳnh Ngọc C mỗi người phải chịu 1.023.000 đồng (một triệu, không trăm hai mươi ba ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú;
- Lưu; hồ sơ vụ án, văn phòng. ***THẨM PHÁN***
- ***CHỦ TỌA PHIÊN TỌA***

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Cẩm Hương**